

Số: 795 /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 25 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao biên chế công chức hành chính; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; chỉ tiêu hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thuộc tỉnh Lào Cai năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Lào Cai về biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan chính quyền địa phương cấp tỉnh của tỉnh Lào Cai năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Lào Cai về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập; chỉ tiêu hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 09/02/2026 của HĐND tỉnh Lào Cai sửa đổi Điều 1 của Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập; chỉ tiêu hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 155/TTr-SNV ngày 26/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức hành chính; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; chỉ tiêu hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thuộc tỉnh Lào Cai năm 2026, cụ thể như sau:

1. Biên chế công chức trong các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: **2.820 biên chế** (có Phụ lục số 1 kèm theo).

2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh: **10.523 chỉ tiêu**;

- Hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 8.451 chỉ tiêu;

- Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 2.072 chỉ tiêu.

(Có Phụ lục số 2 kèm theo)

3. Chỉ tiêu hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: **573 chỉ tiêu**, gồm:

a) Các cơ quan, đơn vị khối Nhà nước cấp tỉnh: 256 chỉ tiêu (có Phụ lục số 3 kèm theo);

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh: 317 chỉ tiêu (có Phụ lục số 4 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nội vụ

a) Thông báo cụ thể chỉ tiêu biên chế công chức hành chính; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP khối Nhà nước cấp tỉnh thuộc tỉnh Lào Cai năm 2026;

b) Thực hiện hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý và sử dụng biên chế, số lượng người làm việc trong các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Giao Sở Tài chính; đề nghị Kho bạc Nhà nước khu vực IX

a) Có trách nhiệm cấp phát kinh phí theo số biên chế, số lượng người làm việc cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo Quyết định này;

b) Kịp thời điều chỉnh, bổ sung kinh phí đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương khi có sự biến động theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Thực hiện việc giao chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc đến từng đơn vị, tổ chức bên trong, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc được giao cho cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng theo quy định, vị trí việc làm, phù hợp với tiêu chuẩn chức danh quy định; gửi Quyết định giao chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc về Sở Nội vụ để tổng hợp, theo dõi;

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực IX để thực hiện việc cấp phát kinh phí theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, các Quyết định trước đây trái với Quyết định này được bãi bỏ.

Các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy, được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép điều chỉnh thời gian để thực hiện từ ngày 01/4/2026, bao gồm: Trung tâm Thông tin và Hội nghị trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trung tâm Dịch vụ tổng hợp Nội vụ trực thuộc Sở Nội vụ; Trung tâm Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trạm Quản lý vận tải cửa khẩu quốc tế Lào Cai trực thuộc Sở Xây dựng; Trung

tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch trực thuộc UBND tỉnh sẽ thực hiện quyết định này kể từ ngày 01/4/2026; các đơn vị còn lại thực hiện theo thời gian có hiệu lực của quyết định này.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực IX; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Chánh VP.UBND tỉnh;
- CV phòng TH;
- Lưu VT, NC (D).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Anh

PHỤ LỤC 1:
GIAO BIÊN CHẾ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC
HÀNH CHÍNH TỈNH LÀO CAI NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: **795** /QĐ-UBND ngày **25** tháng **3** năm 2026 của UBND tỉnh
Lào Cai)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2026
	TỔNG CỘNG	2.820
I	CẤP TỈNH	2.403
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh	60
1.1	Lãnh đạo chuyên trách Đoàn ĐBQH, HĐND	20
1.2	Cơ quan Văn phòng HĐND tỉnh	40
2	Văn phòng UBND tỉnh	104
2.1	Lãnh đạo UBND tỉnh	7
2.2	Cơ quan Văn phòng UBND tỉnh	85
2.3	Trung tâm Phục vụ hành chính công	12
3	Sở Công Thương	178
3.1	Cơ quan Văn phòng Sở	57
3.2	Chi cục Quản lý thị trường	121
4	Sở Dân tộc và Tôn giáo	58
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	93
6	Sở Khoa học và Công nghệ	100
7	Sở Ngoại vụ	30
8	Sở Nội vụ	142
9	Sở Nông nghiệp và Môi trường	730
9.1	Cơ quan Văn phòng Sở	155

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2026
9.2	Chi cục Kiểm lâm	427
9.3	Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Chăn nuôi, thú y, thủy sản	62
9.4	Chi cục Chất lượng và Phát triển nông thôn	61
9.5	Chi cục Môi trường, Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	25
10	Sở Tài chính	187
11	Sở Tư pháp	43
12	Thanh tra tỉnh	188
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	99
14	Sở Xây dựng	166
15	Sở Y tế	112
16	Ban Quản lý các khu công nghiệp	25
17	Ban Quản lý Khu kinh tế	42
18	Vườn quốc gia Hoàng Liên (Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Hoàng Liên)	46
II	DỰ PHÒNG	417

PHỤ LỤC 2:
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CẤP TỈNH THUỘC TỈNH LÀO CAI NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: **795**/QĐ-UBND ngày **25** tháng **6** năm 2026 của UBND tỉnh Lào Cai)

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh											
		Tổng		Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp Y tế		Sự nghiệp Văn hóa, Thể dục thể thao		Sự nghiệp Khoa học		Sự nghiệp khác	
		Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG (A+B)	8.451	2.072	4.557	53	2.406	1.850	380	87	157	2	951	80
A	SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐƯỢC GIAO	8.002	2.052	4.557	53	2.377	1.850	302	67	121	2	645	80
I	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	33	30									33	30
1	Trung tâm Thông tin và Hội nghị	25	30									25	30
2	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	8										8	
II	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	4.011	5	4.011	5								
1	Các trường phổ thông	3.237	4	3.237	4								
2	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	53		53									
3	Trường Trung cấp Dân tộc nội trú Nghĩa Lộ	43		43									
4	Các Trung tâm GDNN-GDTX khu vực	451		451									
5	Các Trường DTNT THCS	178		178									
6	Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX	49	1	49	1								
III	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	52	2							52	2		
1	Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	52	2							52	2		
IV	SỞ NỘI VỤ	81										81	
1	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp Nội vụ	81										81	
V	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	244	31							69		175	31
1	Trung tâm Khuyến nông	116								69		47	
2	Trung tâm Giống nông nghiệp	22	24									22	24
3	Ban Quản lý rừng phòng hộ Trạm Tấu	22	7									22	7
4	Các Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên	17										17	
5	Các Ban Quản lý rừng phòng hộ khu vực	67										67	
VI	SỞ TƯ PHÁP	60	8									60	8

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh											
		Tổng		Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp Y tế		Sự nghiệp Văn hóa, Thể dục thể thao		Sự nghiệp Khoa học		Sự nghiệp khác	
		Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN
1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	49										49	
2	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	11	8									11	8
VII	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	272	65					272	65				
1	Trung tâm Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao	272	65					272	65				
VIII	SỞ XÂY DỰNG	15										15	
1	Trạm quản lý vận tải cửa khẩu quốc tế Lào Cai	15										15	
IX	SỞ Y TẾ	2.452	1.850			2.377	1.850					75	
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	292				292							
2	Trung tâm Kiểm nghiệm	53				53							
3	Trung tâm Pháp y	26				26							
4	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội số 1 tỉnh Lào Cai	38										38	
5	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội số 2 tỉnh Lào Cai	37										37	
6	Trung tâm Giám định Y khoa	23				23							
7	Bệnh viện Đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	249	515			249	515						
8	Bệnh viện Đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai	37	93			37	93						
9	Bệnh viện Y học cổ truyền	34	86			34	86						
10	Các Trung tâm Y tế khu vực	1.663	1.156			1.663	1.156						
X	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	16										16	
1	Trung tâm phát triển hạ tầng và Dịch vụ khu công nghiệp	16										16	
XI	VƯỜN QUỐC GIA HOÀNG LIÊN	57										57	
1	Vườn Quốc gia Hoàng Liên	31										31	
2	Trung tâm Du lịch và Bảo tồn sinh vật Hoàng Liên	26										26	
XII	TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ YÊN BÁI	284	38	284	38								
XIII	TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÀO CAI	262	10	262	10								
XIV	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỶ ĐẤT	71	11									71	11

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh											
		Tổng		Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp Y tế		Sự nghiệp Văn hóa, Thể dục thể thao		Sự nghiệp Khoa học		Sự nghiệp khác	
		Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN
XV	TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH	92	2					30	2			62	
B	Dự phòng	449	20			29		78	20	36		306	

PHỤ LỤC 3:
SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THỰC HIỆN CÔNG VIỆC HỖ TRỢ, PHỤC VỤ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số: 795/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2026
	TỔNG CỘNG	256
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh	15
1.1	Lãnh đạo Chuyên trách Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh	9
1.2	Cơ quan Văn phòng HĐND tỉnh	6
2	Văn phòng UBND tỉnh	23
2.1	Cơ quan Văn phòng UBND tỉnh	20
2.2	Trung tâm Phục vụ hành chính công	3
3	Sở Công Thương	22
3.1	Khối Văn phòng Sở	8
3.2	Chi cục Quản lý quản lý thị trường	14
4	Sở Dân tộc và Tôn giáo	5
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	8
6	Sở Khoa học và Công nghệ	14
7	Sở Ngoại vụ	3
8	Sở Nội vụ	20
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9
10	Sở Y tế	11
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường	58
11.1	Khối Văn phòng Sở	20
11.2	Chi cục Kiểm lâm	28

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2026
11.3	Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Chăn nuôi, thú y, thủy sản	4
11.4	Chi cục Chất lượng và Phát triển nông thôn	4
11.5	Chi cục Môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	2
12	Sở Tài chính	14
13	Sở Xây dựng	20
14	Sở Tư pháp	6
15	Thanh tra tỉnh	7
16	Ban Quản lý các khu công nghiệp	3
17	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	18

PHỤ LỤC 4:

**SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC HỖ TRỢ, PHỤC VỤ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP ĐỐI VỚI CÁC ĐNSNCL CẤP TỈNH NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số: 795 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2026
	TỔNG CỘNG (I) + (II)	317
I	CẤP TỈNH	305
1	Văn phòng UBND tỉnh	1
1.1	Trung tâm Thông tin và Hội nghị	1
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	204
2.1	Các trường phổ thông	164
2.2	Trung tâm GDTX tỉnh	2
2.3	Trường Trung cấp DTNT Nghĩa Lộ	3
2.4	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực	21
2.5	Trường DTNT THCS	12
2.6	Trung tâm KTHT-HNDN&GDTX	2
3	Sở Khoa học và Công nghệ	3
3.1	Trung tâm Khoa học, CN&ĐMST	3
4	Sở Nội vụ	11
4.1	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp Nội vụ	11
5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	4
5.1	Trung tâm Khuyến nông	2
5.2	Ban Quản lý rừng phòng hộ Trạm Tấu	2

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2026
6	Sở Tư pháp	2
6.1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	2
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	17
7.1	Trung tâm Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao	17
8	Sở Y tế	39
8.1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	9
8.2	Trung tâm Kiểm nghiệm	3
8.3	Trung tâm Pháp y	3
8.4	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội số 1	4
8.5	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội số 2	2
8.6	Trung tâm Y tế khu vực	18
9	Ban Quản lý các khu công nghiệp	1
9.1	Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ khu công nghiệp	1
10	Vườn Quốc gia Hoàng Liên	2
11	Trường Cao đẳng Nghề Yên Bái	5
12	Trường Cao đẳng Lào Cai	8
13	Trung tâm Phát triển quỹ đất	3
14	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch	5
II	DỰ PHÒNG	12